

Phát triển thị trường lao động nước ta các năm 2005-2010

NGUYỄN TIỆP

Trong 5 năm cuối thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 của Đảng, việc tiếp tục cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, thúc đẩy phát triển đồng bộ các loại thị trường, trong đó có thị trường lao động có tầm quan trọng đặc biệt. Đây là cơ sở để đảm bảo sự phát triển nhanh, vững chắc về kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm cho người lao động. Phát triển thị trường lao động đòi hỏi phải thực hiện các giải pháp tác động lên cung, cầu lao động, hoàn thiện các chính sách thị trường lao động và khắc phục các khiếm khuyết về điều chỉnh thị trường lao động trong thời gian qua.

Bài viết này sẽ xới xáo lên một số nội dung liên quan đến các nội dung nêu trên:

1. Cung - cầu lao động trên thị trường lao động hiện nay

Cung lao động: năm 2004 lực lượng lao động (LLLĐ) của nước ta khoảng 43,25 triệu người, nam 51%, nữ 49%, tăng 22,9% so với năm 1996. Trong giai đoạn 2000 - 2004, bình quân mỗi năm LLLĐ cả nước tăng thêm 1,02 triệu người (tăng 2,5%/năm). Mức tăng lao động khá cao, tạo nên sức ép trên thị trường lao động đối với cầu lao động, thể hiện ở tỷ lệ thất nghiệp của năm 2004 là 5,6%. Lao động ở khu vực nông thôn vẫn chiếm tỷ lệ rất lớn, năm 2004 lực lượng lao động nông thôn có 32,7 triệu người, chiếm tỷ lệ 75,6% lực lượng lao động cả nước; trong khi LLLĐ thành thị là 10,55 triệu người, chiếm 24,4%.

Cung lao động thể hiện ở các yếu tố như: trình độ học vấn phổ thông của lực lượng lao động nước ta ngày càng được nâng cao, năm 1996 số lao động chưa biết chữ và chưa tốt nghiệp tiểu học là 26,4% trong tổng lực

lượng lao động, đến năm 2004 giảm xuống còn 17,1%. Số lao động tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông có xu hướng tăng, chỉ tính lao động tốt nghiệp phổ thông trung học đã tăng từ 13,8% năm 1996 lên 19,71% năm 2004. Trong lực lượng lao động, số lao động qua đào tạo tăng liên tục trong nhiều năm, năm 1996 lao động qua đào tạo là 10,4%, trong đó 7,5% qua đào tạo nghề; đến năm 2004 tăng lên 22,3%, trong đó qua học nghề 13,3%. Trong 4 năm (từ 2001 đến 2004) tuyển mới đào tạo nghề cho 4126 nghìn người, bình quân tăng gần 9%/năm, trong đó đào tạo nghề dài hạn 653 nghìn người, tăng bình quân trên 16%/năm; lực lượng lao động qua đào tạo cao đẳng, đại học tăng 4,8%/năm. Sự tăng nhanh của lao động qua đào tạo, đặc biệt là qua đào tạo nghề là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng của cung lao động, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động trong các khu vực và các thành phần kinh tế. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng, chất lượng lao động còn có sự khác biệt khá xa xét theo khu vực thành thị, nông thôn. Năm 2004, lực lượng lao động thành thị lao động qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật (CMKT) là 45,5%, trong khi nông thôn là 13,3%. Nhìn chung, chất lượng lao động nước ta còn một số yếu điểm như: tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, thiếu công nhân kỹ thuật lành nghề và lành nghề cao; chưa có tác phong công nghiệp, cơ cấu cấp trình độ CMKT của lao động qua đào tạo còn bất hợp lý (năm 2003: CĐ, ĐH và trên ĐH - THCN - CNKT là 1- 0,9 - 2,7)... Các tồn tại này đã được các cơ quản lý nguồn nhân lực quan tâm từ nhiều năm nay, và hiện

Nguyễn Tiếp, PGS, TS, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

đang thực hiện các giải pháp tích cực nhằm chuẩn bị đội ngũ lao động CMKT để phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Cầu lao động: tính đến ngày 1-7-2004 tổng cầu lao động (lao động thực tế đang làm việc trong nền kinh tế) là 42,33 triệu người, tốc độ tăng bình quân 1996 - 2004 là 2,54%/năm. Cầu lao động có mức tăng khá cao là do có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, và sự chuyển dịch tích cực của cơ cấu kinh tế theo chiều hướng tăng tỷ trọng kinh tế ở khu vực dịch vụ và công nghiệp. Một nguyên nhân quan trọng nữa có ảnh hưởng lớn đến việc tạo mở việc làm nhanh trong thời kỳ này là tỷ lệ vốn đầu tư trong GDP liên tục được tăng lên, từ 14,2% năm 1985 lên khoảng 33% năm 2004. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh xuất khẩu cũng có tác động tích cực đến tạo mở việc làm, thu hút lao động. Mức cầu lao động trong các loại hình doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Cầu lao động trong doanh nghiệp nhà nước (DNNN): quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước đã làm cho lao động trong khu vực doanh nghiệp này giảm cả tuyệt đối và tương đối, từ 2500 nghìn người năm 1989 xuống còn 2200 nghìn người năm 2004. Khu vực DNNN ít có khả năng thu hút lao động ở qui mô lớn, do một bộ phận lớn làm ăn kém hiệu quả hoặc đang trong quá trình sắp xếp, chuyển đổi hình thức sở hữu; bộ phận khác gặp khó khăn trong sản xuất - kinh doanh trước yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh bình đẳng, một số khác thì bị giải thể.

- Cầu lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng việc làm cao và có ảnh hưởng khá lớn đối với việc thúc đẩy phát triển mức cầu trên thị trường lao động. Năm 1997, số lao động làm việc trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 130 nghìn người, đến năm 2004 là 691

nghìn người. Các năm 2001-2004 tốc độ tăng lao động bình quân của khu vực này là 30,2%, trong đó doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tăng bình quân 37%/năm.

- Cầu lao động trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (DNNQD): sự phát triển của các DNNQD có vai trò quan trọng trong việc tạo ra mức cầu lao động hàng năm trên thị trường lao động. Tính đến năm 2004, DNNQD thu hút 1700 nghìn lao động, chiếm tỷ lệ 36,5% tổng số lao động của khu vực doanh nghiệp, tốc độ tăng lao động bình quân trong khu vực DNNQD các năm gần đây là 28%.

- Trên tổng thể, lao động được thu hút vào làm việc trong khu vực doanh nghiệp có chất lượng như sau: 50,6% là lao động chưa qua đào tạo, 29,2% công nhân kỹ thuật, 7,4% lao động trung học chuyên nghiệp, 12,8% cao đẳng, đại học trở lên.

- Cầu lao động khu vực hành chính sự nghiệp: hiện nay, lao động làm việc trong khu vực hành chính sự nghiệp là 1789,4 nghìn người, từ năm 1995 trở lại đây, bình quân mỗi năm tăng gần 5%. Cầu lao động trong khu vực hành chính sự nghiệp tăng lên chủ yếu là do có sự phát triển của các ngành như: giáo dục, đào tạo, y tế, quản lý nhà nước... và yêu cầu mới đối với công việc quản lý, điều hành nền kinh tế thị trường.

- Cầu lao động làm thuê ở nông thôn: hiện nay cả nước có 2.017 làng nghề thủ công thuộc 11 nhóm nghề chính. Các làng nghề thu hút khoảng 2501 nghìn lao động làm công ăn lương. Ngoài ra có gần 110 nghìn trang trại hoạt động, bình quân mỗi trang trại sử dụng 3,4 lao động thuê mướn. Tổng số lao động làm thuê trong các trang trại khoảng 375 nghìn người. Kinh tế hộ cũng có vai trò không nhỏ trong thu hút lao động trên thị trường lao động nông thôn. Ở một số vùng kinh tế thị trường phát triển (vùng ven thị xã, thành phố, khu công nghiệp tập trung, vùng nông nghiệp hàng hóa xuất khẩu...) bình quân

23% hộ gia đình nông thôn có thuê lao động trong năm, chủ yếu là thuê không thường xuyên, ngắn hạn và theo mùa vụ.

- Cầu lao động của hộ kinh doanh dịch vụ: hiện nay cả nước có khoảng 2,381 triệu hộ kinh doanh cá thể, tiểu thương, tiểu chủ, dịch vụ. Theo điều tra gần đây của Bộ LĐTBXH cho thấy, bình quân mỗi hộ kinh doanh cá thể thuê 0,5 lao động, thu hút khoảng 1,19 triệu lao động và hàng vạn lao động giúp việc gia đình, góp phần tăng tổng cầu trên thị trường lao động.

- Cầu lao động ngoài nước: trong 4 năm 2001-2004, Việt Nam đã đưa 217.000 lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Riêng năm 2004 đưa 60.000 nghìn người đi làm việc ở nước ngoài, đến nay đã có trên 400.000 lao động đang làm việc ở 40 nước và vùng lãnh thổ. Xuất khẩu lao động góp phần vào điều chỉnh quan hệ cung - cầu trên thị trường lao động, có tác động đến sự phát triển hệ thống dịch vụ cung ứng lao động, kích thích người lao động học nghề.

2. Xu hướng phát triển thị trường lao động đến năm 2010

Xu hướng cung lao động: trong các năm 2005- 2010 quy mô cung lao động tiếp tục tăng, dân số trong độ tuổi lao động năm 2005 là 51,58 triệu người, chiếm 63,7% dân số, trong đó thành thị 14,96 triệu người, nông thôn 36,62 triệu người. Theo dự báo đến năm 2010, dân số trong độ tuổi lao động là 56,82 triệu người, chiếm 64,4% dân số, mức tăng khoảng 1,05 triệu người/năm. Năm 2005, lực lượng lao động khoảng 44,6 triệu người và năm 2010 tăng lên khoảng 50,5 triệu người. Tốc độ tăng lực lượng lao động giai đoạn 2006-2010 khoảng 2,65%/năm. Đồng thời, dưới tác động của chính sách phát triển giáo dục, đào tạo và với việc tham gia sâu rộng hơn vào thị trường lao động nước ngoài (thông qua xuất khẩu lao động), chất lượng lao động tiếp tục được cải thiện. Trong LLLĐ, tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 25,5% vào năm 2005, trong đó đào

tạo nghề 19% và 40% vào năm 2010, trong đó đào tạo nghề 26,6%.

Xu hướng cầu lao động: theo phương án phát triển kinh tế với tốc độ tăng GDP bình quân 8%/năm, đầu tư toàn xã hội bình quân 35% GDP/năm, năng suất lao động xã hội tăng bình quân 5%/năm thì tổng cầu lao động năm 2005 của toàn nền kinh tế khoảng 43,4 triệu lao động (thành thị 24,8%), và đến năm 2010 là 49,1 triệu lao động (thành thị 29,4%). Cầu lao động trên thị trường lao động (lao động làm công ăn lương) của năm 2005 khoảng 12,2 triệu người, và con số này ở năm 2010 là 19,6 triệu người, trong đó, lao động làm công ăn lương trong doanh nghiệp là 11,05 triệu lao động và ngoài doanh nghiệp là 8,55 triệu người.

Cầu lao động cho xuất khẩu lao động có xu hướng tăng dần, thời kỳ 2005 - 2010 bình quân xuất khẩu lao động đạt 80 - 100 nghìn người/năm, trong đó trên 50% là lao động có nghề.

Xu hướng tiền công, tiền lương trên thị trường lao động: theo dự báo của các cơ quan chức năng thì đến năm 2010, tiền lương tối thiểu khoảng 600-700 nghìn đồng, tiền lương bình quân trả cho người lao động trong các doanh nghiệp tăng gấp 2-2,5 lần so với năm 2005.

3. Các giải pháp phát triển thị trường lao động

Thời kỳ 2005-2010 việc phát triển thị trường lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế cần chú trọng vào các giải pháp sau:

• *Các giải pháp đối với cung lao động:*

- Tiếp tục thực hiện chính sách kế hoạch hóa dân số và gia đình để trong tương lai đảm bảo tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động hàng năm hợp lý, hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, tiến tới cân bằng cung - cầu lao động.

- Phát triển giáo dục, đào tạo là giải pháp có tính chiến lược lâu dài để nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực và phát triển cung lao động CMKT trên thị trường lao động. Các giải pháp cụ thể là:

+ Đối với các trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp cần hoàn thiện chuẩn mực quốc gia về trường, lớp, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo trong toàn hệ thống. Phân bố hợp lý các trường đào tạo, các cấp trình độ trên các vùng trong phạm vi cả nước.

+ Mở rộng và nâng cấp hệ thống dạy nghề cho người lao động ở 3 cấp trình độ: sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và liên thông giữa các cấp trình độ; đồng thời chuyển sang đào tạo theo định hướng cầu lao động; đào tạo gắn với sử dụng, gắn với nhu cầu của sản xuất, cung cấp lao động có chất lượng về tay nghề, sức khỏe, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp và các phẩm chất khác để đáp ứng được thị trường trong nước và nước ngoài.

+ Đa dạng hóa các loại hình trường, lớp dạy nghề (của Nhà nước, của tư nhân và quốc tế), hình thành thị trường dạy nghề phù hợp với pháp luật).

+ Thực hiện quy hoạch, đầu tư tập trung vào hệ thống dạy nghề kỹ thuật thực hành. Quan tâm xây dựng hệ thống trường dạy nghề trọng điểm quốc gia, trường cao đẳng nghề, trong đó có các trường đạt tiêu chuẩn khu vực; các tỉnh, thành phố đều có trường dạy nghề, mỗi quận huyện đều có trung tâm dạy nghề, phát triển cơ sở dạy nghề ngoài công lập.

- Đảm bảo vận hành hiệu quả thị trường lao động, thị trường không bị chia cắt bởi các yếu tố chính sách hành chính; lao động được tự do di chuyển dưới sự chi phối của mức tiền lương, tiền công trên thị trường lao động. Phát triển thị trường lao động vùng, địa phương, tạo ra mức cầu lao động tại chỗ để điều chỉnh hợp lý sự di chuyển lao động trên thị trường lao động.

• Các giải pháp đối với cầu lao động:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển, vì đây là khu vực có khả năng tạo ra nhiều việc làm. Đặc biệt là tạo môi trường đầu tư, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế để phát triển một bộ phận lớn doanh nghiệp vừa và nhỏ với công nghệ hiện đại, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng lớn. Thực hiện định hướng của Chính phủ là đến năm 2010, cả nước có khoảng 500 nghìn doanh nghiệp, giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động.

- Tích cực tác động vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn bằng các giải pháp như tăng cường quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp, hỗ trợ đầu tư để phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại; phục hồi và phát triển làng nghề truyền thống; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ tại chỗ và hỗ trợ đầu tư hình thành các khu công nghiệp nhỏ ở nông thôn để thu hút lao động tại chỗ.

- Tiếp tục cải cách khu vực kinh tế nhà nước, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thúc đẩy các doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả và tạo mở thêm việc làm cho người lao động. Phát triển các tập đoàn kinh tế nhà nước trong những ngành sản xuất, dịch vụ quan trọng, kinh doanh ở phạm vi toàn cầu như: hàng không, dầu khí, điện lực, viễn thông, vận tải viễn dương, ngân hàng, bảo hiểm...) để tạo kênh thu hút lao động chuyên môn - kỹ thuật.

- Ngoài nguồn vốn quan trọng - nhất là nguồn vốn của các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân và Nhà nước, cần khai thác hiệu quả hơn nguồn vốn FDI, ODA (FDI khoảng 4-5 tỷ USD/năm, ODA thực hiện 2-3 tỷ USD/năm) để phát triển doanh nghiệp. Khuyến khích Việt kiều chuyển tiền về nước để tăng thêm nguồn vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh, tạo mở thêm

việc làm cho người lao động. Vì thực tế cho thấy đây là nguồn vốn khá lớn, năm 2004 số tiền Việt kiều chuyển về nước gần ngang bằng vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp vào nước ta.

- Phát triển hạ tầng cơ sở (điện lưới, giao thông, chợ, hệ thống thông tin liên lạc...) để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế, di chuyển lao động trên thị trường lao động và tạo việc làm cho người lao động.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư có trọng điểm để tạo mở được cầu lao động trên thị trường lao động. Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội phải thực sự gắn với chương trình tạo việc làm cho người lao động tại các vùng lãnh thổ, địa phương, khu vực thành thị và nông thôn.

- Tham gia sâu rộng vào quá trình tự do hóa thương mại mang tính toàn cầu (WTO... và các Hiệp định thương mại đa phương, song phương...); phát triển các ngành hàng có khả năng xuất khẩu lớn, để tạo ra mức cầu lao động lớn trong các ngành, lĩnh vực này.

- Cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ và nâng cao tính nghiêm minh của pháp luật trong các khâu dịch vụ xuất khẩu lao động. Tạo cơ hội nhiều hơn cho người lao động ra nước ngoài làm việc. Đặc biệt là đối với lao động thất nghiệp, bộ đội xuất ngũ, lao động nông thôn...

• Các giải pháp hỗ trợ, khuyến khích thị trường lao động phát triển:

- Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiện đại hóa thiết bị kỹ thuật của các cơ quan thống kê và cung ứng thông tin thị trường lao động các cấp. Tăng cường các hình thức hiệu quả về thu thập, xử lý, cung ứng thông tin thị trường lao động của các cơ quan chức năng về quản lý lao động.

- Phát triển hệ thống môi giới, tư vấn việc làm và nghề nghiệp để làm cầu nối cho cung - cầu lao động gặp nhau.

- Phát triển các hình thức thông tin thị trường lao động (hội chợ việc làm, trang web việc làm trên internet, thông tin và quảng cáo việc làm...). Có cơ chế hiệu quả trong nghiên cứu, xử lý, cung ứng thông tin thị trường lao động các nước để phục vụ cho việc đào tạo và xuất khẩu lao động.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách thị trường lao động thụ động, như chính sách trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, đào tạo lại, giải quyết lao động dôi dư... đảm bảo cho thị trường lao động vận hành hiệu quả.

- Hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công theo hướng đảm bảo bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng trong quan hệ lao động. Các chính sách tiền lương, tiền công tác động linh hoạt đến hoạt động của thị trường lao động, tạo ra động lực kích thích tăng trưởng kinh tế và phát triển toàn diện nguồn nhân lực.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý góp phần thúc đẩy hoạt động có hiệu quả hơn các loại thị trường: vốn, sản phẩm khoa học và công nghệ, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản... Sự hoạt động mạnh của các loại thị trường này có tác động kích thích phát triển ngành nghề, tăng trưởng sản phẩm và tạo ra sự gia tăng cầu lao động trên thị trường lao động./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thống kê lao động - việc làm 1996-2004. Bộ LĐTB và XH;
2. Niên giám thống kê 2003, TCTK;
3. Dự báo Dân số cả nước 1999-2024, TCTK;
4. Chiến lược lao động - việc làm 2001-2010, Bộ LĐTB và XH.